

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 100/2008/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 09/11/2007 và ý kiến của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 901/BKH-TĐ&GSĐT ngày 12 tháng 02 năm 2008 về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Tăng cường kinh tế nhanh và bền vững, khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của Tỉnh, từng bước rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển so với mức bình quân của cả nước, sớm thoát khỏi tình kém phát triển; bảo đảm mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Bắc và miền núi phía Bắc; hội nhập nhanh với các vùng kinh tế và cả nước; thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- Phát triển các thành phần kinh tế; tranh thủ tối đa nguồn nội lực, đồng thời thu hút mạnh nguồn ngoại lực để phát triển kinh tế của Tỉnh.
- Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa – xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Phát triển cân đối giữa các vùng trong Tỉnh, trong đó tập trung phát triển vùng kinh tế trọng điểm là động lực thúc đẩy các vùng khác phát triển; giảm sự chênh lệch về mức sống giữa các tầng lớp dân cư. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, giảm nghèo, chính sách đối với vùng khó khăn; từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.
- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Tuyên Quang phát triển toàn diện, tiếp tục duy trì phát triển kinh tế tốc độ cao và bền vững, xã hội văn minh, môi trường sinh thái được giữ gìn, an ninh, quốc phòng được giữ vững. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với cơ cấu kinh tế là công nghiệp – dịch vụ - nông lâm nghiệp. Phấn đấu đến năm 2020, Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực miền núi phía Bắc và đạt mức trung bình của cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm GDP bình quân hàng năm giai đoạn đến năm 2010 đạt trên 14%; giai đoạn 2011 – 2015 đạt trên 14,5%; giai đoạn 2016 – 2020 đạt trên 14,8%.
- GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt trên 12 triệu đồng (tương đương 740 USD); năm 2020 đạt trên 30 triệu đồng (tương đương 2.000 USD).
- Chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế hiện nay (nông lâm nghiệp – công nghiệp – dịch vụ) sang cơ cấu kinh tế công nghiệp – dịch vụ - nông lâm nghiệp.
- Đến năm 2010, tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng chiếm 40%; các ngành dịch vụ chiếm 35%, ngành nông, lâm nghiệp chiếm 25%.
- Đến năm 2020, tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng chiếm 46%; các ngành dịch vụ chiếm 36%, ngành nông, lâm nghiệp chiếm 18%.
- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá cố định năm 1994) đến năm 2010 đạt trên 3.600 tỷ đồng; đến năm 2020 đạt trên 10.000 tỷ đồng.
- Sản lượng lương thực đạt trên 32 vạn tấn. Lương thực bình quân đầu người trên 400kg/người vào năm 2020.
- Kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt trên 27 triệu USD, năm 2020 đạt trên 100 triệu USD.
- Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp kết hợp bảo vệ môi trường sinh thái, duy trì độ che phủ rừng trên 60%.
- Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; thực hiện có hiệu quả phân luồng học sinh theo quy định. Phấn đấu đến năm 2020, trên 75% số trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia.
- Tăng tuổi thọ trung bình của người dân lên trên 70 tuổi vào năm 2010 và 73 tuổi vào năm 2020. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 15% vào năm 2010, dưới 10% vào năm 2020. Đến năm 2010 đạt 18 giường bệnh/10.000 dân; năm 2020 đạt 20 giường bệnh/10.000 dân.
- Giai đoạn đến năm 2010, giải quyết việc làm mới cho trên 58.000 lao động; giai đoạn 2011-2020 giải quyết việc làm mới cho trên 100.000 lao động. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đến năm 2010 dưới 3,5%, năm 2020 dưới 2,5%. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010 đạt trên 30%, trong đó qua đào tạo nghề trên 15%; đến năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 50%, trong đó qua đào tạo nghề là 30%.
- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2010 dưới 15%; năm 2020 dưới 10%.
- Đến năm 2020, có 100% dân số đô thị và trên 95% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.
- 100% cơ sở sản xuất mới xây dựng áp dụng công nghệ sạch, trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải.
- 100% các khu, cụm công nghiệp tập trung và điểm công nghiệp có hệ thống thu gom, xử lý chất thải và nước thải đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.
- 100% các đô thị trong tỉnh có hệ thống thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất, nước thải và chất thải y tế, chất thải độc hại.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH – LĨNH VỰC

1. Phát triển ngành công nghiệp

- Giai đoạn đến năm 2010: tập trung phát triển nhanh ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản để khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên; phát triển công nghiệp cơ khí phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và các ngành công nghiệp khác. Khuyến khích phát triển ngành công nghiệp có lợi thế, phù hợp với vùng nguyên liệu và tài nguyên của địa phương như: sản xuất giấy và bột giấy, chế biến gỗ, ván ép MDF, chế biến chè, các dự án thủy điện nhỏ, các dự án sản xuất xi măng, luyện phôi thép, luyện ferromangan, chế biến bột barít, bột đá và các sản phẩm từ đá.

- Quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng cụm các Khu công nghiệp – dịch vụ - đô thị Long Bình An, các cụm công nghiệp ở các huyện Na Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên và Sơn Dương.

- Giai đoạn 2011 – 2020: Tập trung huy động nguồn lực cho phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu như sản xuất giấy, chế biến gỗ xuất khẩu, chế biến chè chất lượng cao, sản xuất thép, sản xuất linh kiện, phụ tùng cho ngành công nghiệp lắp ráp ô tô, xe máy; công nghiệp điện tử tin học, dệt may, da giày, cơ khí lắp ráp, chế biến nông lâm sản...

- Tiếp tục đầu tư hạ tầng cơ sở và thu hút đầu tư vào các cụm, Khu công nghiệp của tỉnh; khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở khu vực nông thôn, quy hoạch phát triển tiểu, thủ công nghiệp theo hướng tập trung để tạo ra sản phẩm hàng hóa.

2. Phát triển các ngành dịch vụ

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Quy hoạch xây dựng một số trung tâm thương mại, siêu thị, hệ thống chợ đầu mối. Tổng mức hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng bình quân 20%/năm trong giai đoạn 2006-2010, tăng 24% trong giai đoạn 2011-2020. Phát triển mạnh ngoại thương, mở rộng thị trường xuất khẩu; giá trị xuất khẩu đạt trên 27 triệu USD vào năm 2010, đạt trên 100 triệu USD vào năm 2020, tốc độ tăng bình quân 18%/năm.

- Phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, tạo thêm nhiều việc làm, khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch của Tỉnh. Phát triển du lịch theo hướng tập trung đầu tư vào 3 khu chính: Khu du lịch lịch sử văn hóa, Khu du lịch nghỉ dưỡng. Khu du lịch sinh thái. Đến năm 2010 thu hút trên 500.000 lượt khách du lịch, tổng doanh thu từ du lịch đạt 500 tỷ đồng, tạo việc làm cho 8.000 lao động. Năm 2020, thu hút trên 1.500.000 lượt khách, tổng doanh thu là 2.000 tỷ đồng, tạo việc làm cho 21.000 lao động.

- Phát triển vận tải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao năng lực và chất lượng vận tải đường bộ; phát triển vận tải đường thủy; khuyến khích phát triển vận tải công cộng ở đô thị; vận tải phục vụ vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Khối lượng hàng hóa luân chuyển giai đoạn đến năm 2010 tăng 16%/năm, giai đoạn 2011 – 2020 tăng 6,4%/năm. Khối lượng hành khách luân chuyển giai đoạn đến năm 2010 tăng 15%/năm; giai đoạn 2011-2020 tăng 5,5%/năm.

- Phát triển mạnh dịch vụ bưu chính viễn thông trong nước và quốc tế; nâng cao hiệu quả hoạt động của các điểm bưu điện văn hóa, phổ cập các dịch vụ bưu chính viễn thông cơ bản. Phần đầu năm 2010, mật độ điện thoại đạt 15 máy/100 dân, năm 2020 đạt 25 máy/100 dân.

- Phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ tài chính, ngân hàng, khoa học công nghệ, bảo hiểm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

3. Phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Phát triển nông, lâm nghiệp hướng sản xuất hàng hóa; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn với thị trường; đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh. Sản lượng lương thực hàng năm đạt 32 vạn tấn; lương thực bình quân đầu người trên 400kg/người/năm.

- Mở rộng diện tích trồng lạc, đậu tương trên đất ruộng. Quy hoạch vùng sản xuất lạc hàng hóa tại huyện Chiêm Hóa; chuyển đổi những vùng đất trồng lúa năng suất thấp sang trồng lạc, đậu tương và cây trồng khác có giá trị kinh tế.

- Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu giống chè bằng giống mới có năng suất và chất lượng cao. Rà soát, quy hoạch vùng nguyên liệu mía bảo đảm công suất hoạt động của các nhà máy đường.

- Nâng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong ngành nông nghiệp lên 45% vào năm 2020. Thực hiện các giải pháp chăn nuôi với quy mô và hình thức phù hợp. Hàng năm đàn trâu tăng 2%, đàn bò tăng 10%, đàn lợn tăng 6%, đàn gia cầm tăng 10%.

- Phát triển lâm nghiệp bảo đảm hiệu quả kinh tế lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, khai thác có hiệu quả thế mạnh lâm nghiệp của Tỉnh. Quy hoạch hợp lý 3 loại rừng; chú trọng thực hiện quy hoạch, kế hoạch trồng rừng nguyên liệu cung ứng cho Nhà máy bột giấy và giấy An Hòa, nhà máy giấy tráng phân cao cấp, các nhà máy chế biến gỗ. Giao đất, giao rừng cho các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật; khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh rừng, làm giàu bằng nghề rừng. Làm tốt công tác bảo vệ rừng đi đôi với khai thác sử dụng hợp lý vốn rừng; bảo đảm độ che phủ trên 60%.

- Mở rộng diện tích và tăng giá trị nuôi trồng thủy sản; phát triển nuôi trồng thủy sản trên hồ thủy điện Tuyên Quang. Sản lượng thủy sản tăng trên 8,5%/năm; sản lượng cá thịt đến năm 2010 đạt 4.500 tấn; từ năm 2015 đạt trên 5.000 tấn.

- Chú trọng phát triển kinh tế trang trại. Đẩy mạnh xây dựng thôn, bản nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chú trọng giải quyết có hiệu quả các vấn đề liên quan đến nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

4. Các lĩnh vực văn hóa xã hội

a) Phát triển giáo dục và đào tạo

- Giáo dục mầm non: đến năm 2008, ít nhất mỗi xã có 1 trường mầm non, cơ bản có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, cán bộ quản lý và giáo viên nòng cốt. Đến năm 2010 giữ vững tỷ lệ huy động trên 32% số cháu trong độ tuổi đi nhà trẻ (trong đó ngoài công lập chiếm 80%); huy động 98% số cháu trong độ tuổi học mẫu giáo (trong đó ngoài công lập chiếm 70%). Đến năm 2015, tăng tỷ lệ huy động đi nhà trẻ lên 40%, mẫu giáo 100%. Đến năm 2020, tỷ lệ huy động đi nhà trẻ 50%, mẫu giáo 100%.

- Giáo dục phổ thông: khuyến khích mở rộng các loại hình trường lớp bán trú, phát triển mạnh việc tổ chức học 2 buổi/ngày. Thực hiện xã hội hóa giáo dục; lập quy hoạch, kế hoạch chuyển các cơ sở công lập sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy biên chế và tài chính. Thành lập một số trường trung học phổ thông ngoài công lập tại thị xã Tuyên Quang, trung tâm các huyện và các vùng có điều kiện. Nâng cao chất lượng giáo dục dạy và học, phấn đấu năm 2020, trên 75% số trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Phát triển đào tạo và dạy nghề: đẩy mạnh phát triển đào tạo, dạy nghề; quy hoạch hệ thống trường dạy nghề; thành lập Đại học cộng đồng Tuyên Quang trên cơ sở trường Cao đẳng Sư phạm. Thành lập Trường Cao đẳng Y tế trên cơ

sở Trường Trung học Y tế, tuyển sinh theo cơ chế mở, trường tự đảm bảo kinh phí hoạt động.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo. Đến năm 2010, 99% số người trong độ tuổi 15 – 35 biết chữ, 100% số cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước được tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, 85% số hộ nông dân được tham gia các chương trình nâng cao chất lượng cuộc sống; đến năm 2020 các tỷ lệ trên đạt 100%. Phấn đấu đến năm 2020, tất cả cán bộ công chức từ cấp xã, phường, thị trấn trở lên đều có trình độ đào tạo chuyên môn từ cao đẳng trở lên.

b) Y tế, dân số, gia đình và trẻ em.

- Hàng năm bảo đảm tỷ lệ trên 98% trẻ (dưới 1 tuổi) được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định. Thực hiện tốt chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 15% năm 2010 và dưới 10% năm 2020.

- Phấn đấu 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; 100% số xã có bác sĩ khám, chữa bệnh cho nhân dân, trong đó trên 80% xã có bác sĩ thuộc biên chế của trạm y tế; mỗi cán bộ y tế xã phục vụ từ 1.000 đến 1.500 người dân; 100% thôn, bản có nhân viên y tế thôn, bản; đạt tỷ lệ 8 bác sĩ/10.000 dân. Bảo đảm cho mọi người dân được tiếp cận một cách thuận lợi các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, có chất lượng tại các tuyến. Đến năm 2010, có 18 giường bệnh/vạn dân và năm 2020, có 20 giường bệnh/vạn dân.

- Đẩy mạnh xã hội hóa y tế; khuyến khích thành lập các bệnh viện ngoài công lập, khám, chữa bệnh chất lượng cao.

- Tiếp tục đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ y tế. Bảo đảm đội ngũ giám đốc, phó giám đốc, trưởng khoa, phó trưởng khoa của bệnh viện, trung tâm y tế các huyện, thị xã và trưởng, phó các phòng, ban của sở Y tế có trình độ chuyên khoa cấp I, cấp II. Đến năm 2020, có 90% bác sĩ của Bệnh viện Đa Khoa tỉnh đạt trình độ chuyên khoa cấp I trở lên.

c) Phát triển văn hóa thông tin, phát thanh, truyền hình.

- Phấn đấu đến năm 2020, có 90% số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 80% số thôn, bản, tổ nhân dân đạt danh hiệu thôn, bản, tổ nhân dân văn hóa; 100% nhà văn hóa xã có trang thiết bị để hoạt động; 100% số xã có thư viện.

- Đầu tư, phục hồi, bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, khai thác, bảo vệ các thiết chế văn hóa, giá trị văn hóa nhằm kết hợp phát triển du lịch. Xây dựng hoàn thiện và đầu tư trang thiết bị cho nhà văn hóa thôn, bản theo phương thức xã hội hóa. Xây dựng một số làng văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch.

- Đến năm 2020, có 97% dân số được nghe đài phát thanh, 93% dân số được xem truyền hình.

d) Thể dục thể thao

- Đến năm 2020, có 30% dân số tham gia tập thể dục thể thao thường xuyên; 25% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình thể thao”.

đ) Về giảm nghèo và an sinh xã hội

Thực hiện đồng bộ các giải pháp, cơ chế, chính sách để thực hiện chương trình giảm nghèo. Phát triển cơ sở hạ tầng, tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ công; chú trọng tập trung đầu tư phát triển các công trình phục vụ sản xuất và đời sống của hộ nghèo. Phấn đấu đến năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo dưới 15%, năm 2020 dưới 10%.

5. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường